

Số: 72/2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 60/2024/NĐ-CP về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2025/NĐ-CP, Nghị định số 225/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Phước*

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP5.
TS_VP5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dạng Thanh Sơn

QUY ĐỊNH

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 72/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá để thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Dịch vụ chủ yếu tại chợ

- Dịch vụ cho thuê cửa hàng, ki-ốt.
- Dịch vụ cho thuê diện tích kinh doanh trong nhà.
- Dịch vụ cho thuê diện tích kinh doanh ngoài trời.
- Dịch vụ sử dụng nhà vệ sinh.
- Dịch vụ vệ sinh môi trường trong chợ.
- Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa trong phạm vi chợ.
- Các dịch vụ khác phát sinh theo thực tế.

Chương II

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA DỊCH VỤ CHỦ YẾU TẠI CHỢ NGOÀI DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

Điều 4. Dịch vụ cho thuê cửa hàng, ki-ốt

- Là công trình độc lập hoặc là một gian trong một dãy nhà hoặc là một không gian được phân định trong không gian của nhà chợ chính, được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ.
- Diện tích tối thiểu mỗi cửa hàng, ki-ốt: 3m².
- Có mái che, có tường hoặc vách ngăn riêng biệt.

4. Lối, đường thoát nạn, khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy, trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy bảo đảm theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy.

5. Nền chợ được bê tông hóa hoặc lát gạch.

6. Được bố trí hệ thống điện, nguồn cấp điện và bảo đảm chiếu sáng đầy đủ.

7. Được bố trí hệ thống nước, nguồn cấp nước (nếu có).

8. Vị trí sử dụng diện tích cửa hàng, ki-ốt được bố trí tại khu vực mặt tiền chợ, khu vực tiếp giáp đường giao thông, các cửa ra vào chợ, đường nội bộ trong chợ hoặc các vị trí khác trong phạm vi chợ theo thiết kế được phê duyệt.

9. Đơn vị tính giá dịch vụ: đồng/m²/thời gian thuê (nhiều năm, năm, quý, tháng).

Điều 5. Dịch vụ cho thuê diện tích kinh doanh trong nhà

1. Điểm kinh doanh là các quầy hàng, sạp hàng được bố trí cố định trong phạm vi nhà lồng chợ theo thiết kế xây dựng chợ.

2. Diện tích tối thiểu mỗi điểm kinh doanh, quầy hàng từ 3m² trở lên.

3. Có lối, đường thoát nạn, bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy; được trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

4. Nền chợ được bê tông hóa hoặc lát gạch.

5. Được bố trí hệ thống điện, nguồn cấp điện và bảo đảm chiếu sáng đầy đủ.

6. Được bố trí hệ thống nước, nguồn cấp nước (nếu có).

7. Vị trí sử dụng diện tích được bố trí trong phạm vi nhà lồng chợ theo thiết kế được phê duyệt, bao gồm các vị trí thuận lợi hoặc ít thuận lợi khác nhau tùy theo điều kiện thực tế của từng chợ.

8. Đơn vị tính giá dịch vụ: đồng/m²/thời gian thuê (nhiều năm, năm, quý, tháng, tuần).

Điều 6. Dịch vụ cho thuê diện tích kinh doanh ngoài trời

1. Điểm kinh doanh được bố trí trong phạm vi chợ theo quy hoạch, thiết kế được phê duyệt.

2. Tùy theo điều kiện của từng chợ, khu vực bán hàng bên ngoài nhà lồng chợ có thể được bố trí có mái che hoặc không có mái che, không có tường hoặc vách ngăn cố định; được bố trí dưới dạng đơn giản, có thể cố định hoặc di động và bố trí ngoài trời, trong sân chợ.

3. Có lối, đường thoát nạn, bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy; được trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

4. Mặt bằng khu vực bán hàng bảo đảm thoát nước, không bị đọng nước.

5. Vị trí sử dụng diện tích được bố trí tại các khu vực khác nhau trong phạm vi chợ theo điều kiện thực tế, bao gồm khu vực thuận lợi hoặc ít thuận lợi.

6. Đơn vị tính giá dịch vụ: đồng/điểm kinh doanh/thời gian thuê (năm, quý, tháng, tuần, ngày, buổi) hoặc đồng/hộ kinh doanh/thời gian thuê (năm, quý, tháng, tuần, ngày, buổi).

Điều 7. Dịch vụ sử dụng nhà vệ sinh

1. Nhà vệ sinh được bố trí cách biệt với khu kinh doanh thực phẩm, được bố trí ở những nơi dễ quan sát, tiện cho khách sử dụng và được xây dựng đáp ứng điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn nhà tiêu dৌ thoát nước tự hoại.

2. Có số lượng phòng vệ sinh phù hợp với quy mô chợ.

3. Bố trí vệ sinh nam, nữ riêng và đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng.

4. Được chiếu sáng đầy đủ và thông gió tự nhiên; có hệ thống cấp, thoát nước đầy đủ, nắp đậy ngăn mùi và dễ dàng thông tắc; nền nhà vệ sinh là loại chịu nước, không thấm, không bị trơn trượt, dễ cọ rửa và có độ bền cao; thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.

5. Chỗ rửa tay có thể bố trí trong hoặc ngoài nhà vệ sinh; có đủ dụng cụ, xà phòng, các chất tẩy rửa để vệ sinh và rửa tay; có bảng hướng dẫn quy trình rửa tay và bảng chỉ dẫn “Rửa tay sau khi đi vệ sinh” ở nơi dễ nhìn.

6. Đơn vị tính giá dịch vụ: đồng/người/lượt hoặc đồng/người/ngày hoặc đồng/người/tháng.

Điều 8. Dịch vụ vệ sinh môi trường trong chợ

1. Dịch vụ vệ sinh môi trường trong chợ bao gồm: hoạt động quét dọn, vệ sinh khu vực kinh doanh, lối đi chung, khu vực công cộng trong chợ; thu gom, phân loại rác thải phát sinh tại các điểm kinh doanh; tập kết rác thải về khu vực lưu chứa tạm thời trong phạm vi chợ. Việc thu gom, tập kết rác thải do đơn vị quản lý chợ tổ chức thực hiện hoặc quy định cụ thể đối với các hộ kinh doanh, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng chợ.

2. Khối lượng rác thải phát sinh trung bình một ngày của một hộ kinh doanh từ 2kg/ngày đến 3kg/ngày.

3. Tại các khu vực công cộng trong chợ bố trí thùng chứa rác thải có nắp đậy kín. Tại các vị trí đặt thùng rác công cộng có các biển thông báo giữ vệ sinh và chỉ dẫn bỏ rác đúng nơi quy định.

4. Nơi tập trung rác thải phải cách li với các không gian hoạt động của chợ, được bố trí tại các góc khuất, cạnh đường giao thông để xe thu gom rác dễ ra vào hàng ngày. Phương thức thu gom rác phù hợp với phương thức thu gom rác của địa phương. Hướng vận chuyển rác thải không chông chéo lên các luồng giao thông trong chợ.

5. Hoạt động vệ sinh, thu gom rác thải được thực hiện hàng ngày; tần suất vệ sinh trong ngày bố trí phù hợp với chợ, bảo đảm vệ sinh môi trường.

6. Thực hiện khử trùng và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại theo định kỳ hoặc khi cần thiết, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.

7. Đơn vị tính giá dịch vụ: đồng/hộ kinh doanh/thời gian thuê (ngày, tuần, tháng, quý).

Điều 9. Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa trong phạm vi chợ

1. Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa trong phạm vi chợ được cung cấp khi phát sinh nhu cầu tại chợ bao gồm hoạt động bốc dỡ, sắp xếp, di chuyển hàng hóa từ phương tiện vận chuyển đến điểm kinh doanh và ngược lại, cũng như vận chuyển hàng hóa giữa các vị trí trong phạm vi chợ.

2. Hoạt động bốc xếp, vận chuyển hàng hóa phụ thuộc vào loại hàng hóa, khối lượng, kích thước, tính chất hàng hóa và khoảng cách vận chuyển.

3. Được thực hiện bằng phương thức thủ công hoặc kết hợp với các công cụ, phương tiện hỗ trợ phù hợp.

4. Thời gian thực hiện dịch vụ có thể thay đổi theo thời điểm trong ngày, lưu lượng hàng hóa và điều kiện thực tế của chợ.

5. Việc tổ chức bốc xếp, vận chuyển bảo đảm an toàn hàng hóa, an toàn lao động và không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông nội bộ trong chợ.

6. Đơn vị tính giá dịch vụ: đồng/lần thực hiện hoặc đồng/khối lượng hàng hóa hoặc theo thỏa thuận phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng chợ.

Điều 10. Các dịch vụ khác phát sinh theo thực tế

1. Các dịch vụ phát sinh theo thực tế là các dịch vụ phục vụ hoạt động kinh doanh, sinh hoạt tại chợ ngoài các dịch vụ quy định từ Điều 4 đến Điều 9 của Quy định này, được cung cấp trên cơ sở nhu cầu thực tế và điều kiện cụ thể của từng chợ.

2. Các dịch vụ phát sinh phù hợp với chức năng, phạm vi hoạt động của chợ; không thuộc danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giá; không chồng lấn với dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành khác; đáp ứng nhu cầu thực tế của tổ chức, cá nhân kinh doanh và khách hàng tại chợ.

3. Được xác định trên cơ sở nội dung công việc, quy mô, tần suất cung cấp dịch vụ và điều kiện thực tế tại từng chợ; phù hợp với cơ sở vật chất, hạ tầng và phương thức tổ chức, quản lý của từng chợ; bảo đảm không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và hoạt động chung của chợ.

4. Đơn vị tính giá dịch vụ: theo lần sử dụng dịch vụ hoặc theo thời gian sử dụng (ngày, tháng, năm), hoặc theo hình thức phù hợp với đặc điểm của từng loại dịch vụ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức triển khai thực hiện Quy định này;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện kê khai giá dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá;

c) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

2. Các sở, ngành, địa phương

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phổ biến và triển khai Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện kê khai giá các dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý;

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về kê khai giá theo thẩm quyền;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện kê khai giá và việc thu giá dịch vụ tại các chợ trên địa bàn quản lý theo đúng nội dung đã kê khai.

3. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, khai thác chợ

a) Căn cứ vào quy định này thực hiện kê khai giá dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá, gửi Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định;

b) Thực hiện thu, quản lý và sử dụng giá dịch vụ tại chợ theo đúng giá đã kê khai, đảm bảo công khai, minh bạch đúng quy định;

c) Phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.